

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2021/DS-ST.

Ngày: 13/5/2021.

“V/v tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ánh Gương;

Ông Huỳnh Trung Thảo.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Hôm nay ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 491/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 và Thông báo thay đổi ngày xét xử số 09/TB-TA ngày 26/4/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1987.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Đình V, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Khóm V, thị trấn T, huyện T, Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khóm V, thị trấn T, huyện T, Đồng Tháp.

Bà L có mặt tại phiên tòa, ông V và bà T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện ngày 03/11/2020; biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 22/02/2021; ngày 08/3/2021 và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Cẩm L trình bày: Vào ngày 22/5/2020 bà có cho vợ chồng ông V vay số tiền 200.000.000đ, với lãi suất là 3%/tháng, hai bên có làm biên nhận với nhau (biên nhận tiền ngày 22/5/2020). Thời hạn vay khoảng 10 ngày. Mục đích vay tiền là để đáo hạn ngân hàng, nhưng từ khi vay cho đến nay, vợ chồng ông V không trả gốc và cũng không đóng lãi cho bà.

Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Phạm Đình V và bà Trần Thị Ngọc T có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà số tiền vay gốc là 200.000.00đ và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 1,67%/tháng, kể từ khi vay cho đến khi vợ chồng ông V trả dứt số tiền trên cho bà.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý, Thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông V và bà T đúng theo quy định. Tuy nhiên, ông V và bà T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà L và cũng không có mặt để tham gia phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Cẩm L nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Phạm Đình V và bà Trần Thị Ngọc T. Xét thấy, người khởi kiện có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các Điều 186, 188, 189 và 190 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại Khóm V, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Cẩm L khởi kiện yêu cầu ông Phạm Đình V và bà Trần Thị Ngọc T phải trả lại số tiền vay gốc còn thiếu và tiền lãi theo quy định, được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Trong phần tranh tụng và tranh luận tại phiên tòa, bà L đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Buộc ông V và bà T phải trả lại cho bà số tiền vay

gốc là 200.000.000đ và tính lãi 1,67%/tháng, kể từ ngày vay (22/5/2020) cho đến nay.

Hội đồng xét xử nhận định:

[4] Xét thấy yêu cầu của bà L, yêu cầu ông V và bà T phải trả lại số tiền vay gốc còn thiếu là 200.000.000đ là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, việc vay tiền giữa bà L với vợ chồng ông V là có thật và thực tế đã xảy ra, các bên có làm biên nhận tiền với nhau (biên nhận tiền ngày 22/5/2020). Qua xem xét nội dung biên nhận do bà L cung cấp thể hiện: *“Tôi tên Phạm Đình V có nhận của bà L số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Thời hạn từ ngày 22/5/2020, mỗi tháng phải đóng lãi suất là 3%”*. Theo bà L trình bày: bà cho vợ chồng ông V vay số tiền trên để đáo hạn Ngân hàng, thời hạn vay là 10 ngày, nhưng từ khi vay tiền cho đến nay, vợ chồng ông V không đóng lãi và trả gốc cho bà là đã vi phạm Hợp đồng đã ký kết với bà nên bà khởi kiện để đòi lại số tiền trên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, Thông báo công khai chứng cứ và hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông V và bà T theo quy định. Tuy nhiên, ông V và bà T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, không tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa theo quy định. Như vậy, có căn cứ xác định ông V và bà T cùng vay của bà L số tiền gốc là 200.000.000đ. Do từ khi vay tiền cho đến nay, vợ chồng ông V chưa trả lãi và gốc cho bà L, nghĩ nên buộc vợ chồng ông V có trách nhiệm trả lại số tiền vay gốc cho bà L là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với phần lãi suất: Căn cứ vào biên nhận tiền ngày 22/5/2020 thể hiện số tiền lãi các bên thỏa thuận với mức lãi suất là 3%/tháng là quá cao so với quy định. Tại phiên tòa, bà L thống nhất chỉ yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 1,67%/tháng là phù hợp với quy định, nghĩ nên chấp nhận. Do đó, phần tiền lãi được tính như sau:

$200.000.000đ \times 1,67\% / \text{tháng} \times 11 \text{ tháng} 21 \text{ ngày (từ ngày 22/5/2020 đến ngày 13/5/2021)} = 39.078.000đ.$

Như vậy, ông V và bà T phải trả cho bà L số tiền vay gốc là 200.000.000đ và tiền lãi là 39.078.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là 239.078.000đ.

Do yêu cầu của bà L là có căn cứ chấp nhận nên ông V và bà T phải chịu án phí theo quy định.

[6] Tại phiên tòa, ông V và bà T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V và bà T là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3

Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm L đối với ông Phạm Đình V và bà Trần Thị Ngọc T.

2/ Buộc ông Phạm Đình V và bà Trần Thị Ngọc T có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà Nguyễn Thị Cẩm L số tiền vay gốc còn thiếu là 200.000.000đ và tiền lãi từ ngày 20/5/2020 đến ngày 13/5/2021 với số tiền lãi 39.078.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là 239.078.000đ (Hai trăm ba mươi chín triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Ông Phạm Đình V và bà Trần Thị Ngọc T tiếp tục chịu lãi của số tiền trên, kể từ ngày 14/5/2021, theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cho đến khi thi hành án xong số tiền nêu trên.

3/ Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Cẩm L được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ (năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010280 ngày 08/12/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Ông Phạm Đình V và bà Trần Thị Ngọc T phải liên đới chịu 11.953.900đ (Mười một triệu chín trăm năm mươi ba nghìn chín trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

TT.Thanh Bình, ngày 30 tháng 9 năm

2014

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về vụ án “ **Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng chơi hụi**”

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Thanh, sinh năm 1963

- Bị đơn: Phạm Thị Rồi, sinh năm 1981

Phạm Thương Hoài Bắc, sinh năm 1979

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Văn Rem, sinh năm 1961

Cùng trú quán: ấp Tân An, xã Tân Huê, huyện Thanh bình, Đồng Tháp.

Bà Thanh, ông Bắc và bà Rồi đều có mặt tại phiên toà, ông Rem có đơn xin xét xử vắng mặt.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông **Lê Hoàng Vũ.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Quốc Trí**

Ông **Ngô Văn Khon**

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử nghị án và biểu quyết 3/3 thống nhất quyết định như sau:

Áp dụng các Điều 471; 474; 476; 478 và 479 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 99; khoản 1 Điều 100, khoản 11 Điều 102; Điều 114 và Điều 131; Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh đối với bà Phạm Thị Rồi và ông Phạm Thương Hoài Bắc.

2/ Buộc bà Phạm Thị Rồi và ông Phạm Thương Hoài Bắc có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh số tiền vay còn thiếu là 50.000.000đ, tiền lãi là

16.366.000đ và tiền hụi còn thiếu là 70.000.000đ. Tổng cộng là 136.366.000đ (một trăm ba mươi sáu triệu, ba trăm, sáu mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, thì hàng tháng bà Rôi và ông Bắc còn phải chịu lãi của số tiền chưa thi hành, theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định, tương ứng với thời gian chưa thi hành án, tại thời điểm thi hành án.

3/ Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/QĐ-BPKCTT, ngày 29/ 7/ 2014 của TAND huyện Thanh Bình, phong tỏa tài sản của vợ chồng bà Rôi là 90m² đất, thuộc thửa số 233, tờ bản đồ số 6, GCNQSD đất số CH00240 do UBND huyện Thanh Bình cấp ngày 02/ 11/ 2010, do vợ chồng bà Rôi đứng tên, để đảm bảo thi hành án.

4/ Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị Thanh được nhận lại toàn bộ số tiền đã nộp là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), tại ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam, chi nhánh huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, theo quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/ 2014/QĐ-BPBD, ngày 29/ 7/ 2014 của Tòa án.

5/ Về án phí:

Bà Phạm Thị Rôi và ông Phạm Thương Hoài Bắc phải liên đới nộp 6.818.000đ (sáu triệu tám trăm mười tám ngàn đồng) tiền án phí DSST

Bà Nguyễn Thị Thanh được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.400.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 16015, ngày 02/ 6/ 2014, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết, có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Người liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

CHỦ TỌA PHIÊN